

LUYỆN TỪ VÀ CÂU
ÔN TẬP VỀ DẤU CÂU
(*Dấu gạch ngang*)

I – MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Củng cố, khắc sâu kiến thức đã học ở lớp 4 về dấu gạch ngang.
2. Nâng cao kỹ năng sử dụng dấu gạch ngang.

II – ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- Bảng phụ viết nội dung cần ghi nhớ về dấu gạch ngang (*Tiếng Việt 4, tập hai*, tr.45) (xem nội dung ở dưới).
- Bút dạ và một vài tờ phiếu khổ to ghi bảng tổng kết về 3 tác dụng của dấu gạch ngang để HS làm BT1 :

Tác dụng của dấu gạch ngang	Ví dụ
1) Đánh dấu chỗ bắt đầu lời nói của nhân vật trong đối thoại.	
2) Đánh dấu phần chủ thích trong câu.	
3) Đánh dấu các ý trong một đoạn liệt kê.	

- Một tờ phiếu khổ to viết những câu văn có dấu gạch ngang ở BT2.

III – CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

A – KIỂM TRA BÀI CŨ

Hai, ba HS đọc đoạn văn trình bày suy nghĩ của em về nhân vật Út Vịnh – tiết LTVC trước.

B – DẠY BÀI MỚI

1. Giới thiệu bài : GV nêu MĐ, YC cần đạt của tiết học.

2. Hướng dẫn HS làm bài

Bài tập 1

- Một HS đọc thành tiếng yêu cầu của bài.
- GV mời 1 – 2 HS giỏi nói nội dung cần ghi nhớ về dấu gạch ngang.
- GV mở bảng phụ đã viết nội dung cần ghi nhớ ; 1 – 2 HS nhìn bảng đọc lại ba tác dụng của dấu gạch ngang :

Dấu gạch ngang dùng để đánh dấu :

1. Chỗ bắt đầu lời nói của nhân vật trong đối thoại.
2. Phản ứng thích trong câu.
3. Các ý trong một đoạn liệt kê.

– HS đọc từng câu, đoạn văn, làm bài vào VBT. GV phát riêng bút dạ và phiếu kẻ bảng tổng kết cho 3 – 4 HS ; nhắc HS chú ý xếp câu có dấu gạch ngang vào ô thích hợp sao cho nói đúng tác dụng của dấu gạch ngang trong câu đó.

– HS phát biểu ý kiến. Cả lớp và GV nhận xét nhanh.
– Những HS làm bài trên giấy dán bài lên bảng lớp, trình bày kết quả. GV nhận xét, chốt lại lời giải đúng :

Tác dụng của dấu gạch ngang	Ví dụ
1) Đánh dấu chỗ bắt đầu lời nói của nhân vật trong đối thoại.	<i>Đoạn a</i> – Tất nhiên rồi. – Mặt trăng cũng như vậy, mọi thứ đều như vậy...
2) Đánh dấu phản ứng thích.	<i>Đoạn a</i> – Mặt trăng cũng như vậy, mọi thứ đều như vậy... – <i>Giọng công chúa nhỏ dân, nhỏ dân.</i> (→ chú thích đồng thời miêu tả giọng công chúa nhỏ dân, nhỏ dân) <i>Đoạn b</i> Bên phải là đỉnh Ba Vì vòi voi, nơi Mị Nương – <i>con gái vua Hùng Vương thứ 18</i> – theo Sơn Tinh về trấn giữ núi cao. (chú thích Mị Nương là con gái vua Hùng thứ 18)
3) Đánh dấu các ý trong một đoạn liệt kê.	<i>Đoạn c</i> Thiếu nhi tham gia công tác xã hội : – Tham gia tuyên truyền, cổ động... – Tham gia Tết trồng cây, làm vệ sinh... – Chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ ; giúp đỡ...

Bài tập 2

- Một HS đọc yêu cầu của bài (lệnh bài tập và mẫu chuyện *Cái bếp lò*).
- GV nhắc HS chú ý 2 yêu cầu của BT :
 - + Tìm dấu gạch ngang trong mẫu chuyện *Cái bếp lò*.
 - + Nêu tác dụng của dấu gạch ngang trong từng trường hợp.
- GV mời 1 HS đọc đoạn văn có sử dụng dấu gạch ngang trong mẫu chuyện *Cái bếp lò*.
 - Cả lớp đọc thầm mẫu chuyện *Cái bếp lò*, suy nghĩ, làm bài vào vở hoặc VBT – các em xác định tác dụng của dấu gạch ngang dùng trong từng trường hợp bằng cách đánh số thứ tự 1, 2 hoặc 3.
 - GV dán lên bảng tờ phiếu ; mời 1 HS lên bảng, chỉ từng dấu gạch ngang, nêu tác dụng của dấu gạch ngang trong từng trường hợp. Cả lớp và GV nhận xét nhanh, chốt lại lời giải đúng :
 - **Tác dụng (2)** (đánh dấu phần chú thích) : Trong truyện, chỉ có 2 chỗ dấu gạch ngang được dùng với **tác dụng (2)**
Chào bác ! – Em bé nói với tôi. (→ chú thích lời chào ấy là của em bé, em chào "tôi").
Cháu đi đâu vậy ? – Tôi hỏi em. (→ chú thích lời hỏi đó là lời "tôi").
 - **Tác dụng (1)** (đánh dấu chỗ bắt đầu lời nói của nhân vật trong đối thoại) : Trong tất cả các trường hợp còn lại, dấu gạch ngang được sử dụng với tác dụng (1).

3. Củng cố, dặn dò

- HS nói lại 3 tác dụng của dấu gạch ngang. Dặn HS ghi nhớ kiến thức về dấu gạch ngang để dùng đúng dấu câu này khi viết bài.
- GV nhận xét tiết học.